TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN R** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2022/ DSST
Ngày 14-7- 2022
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Trần Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Đức Khánh
Ông Huỳnh Tấn Thương
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng- Thư ký Toà án
- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện R*** tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Vương

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST - DS ngày 06/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 440/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim O (tên gọi khác là O), sinh năm 1957
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi; Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Đội 1, Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/9/2014 âm lịch ông Lê Văn T viết giấy ghi nhận vay của bà Lê Thị Kim O (O) và chồng của bà O là ông P số tiền 15.000.000đồng, hẹn 10 ngày kể từ ngày viết giấy sẽ hoàn trả; khi vay hai bên có thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất là 1,66%/tháng. Nhưng đến hẹn ông T không trả nợ gốc và lãi cho bà O.

Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ, nhưng đến nay ông T vẫn không trả nợ cho bà.

Nay bà Lê Thị Kim O yêu cầu ông Lê Văn T phải trả cho bà Lê Thị Kim O tổng số tiền là 36.414.000đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 15.000.000đồng và nợ lãi là 21.414.000đồng (15.000.000đồng x 1,66%/tháng x 86 tháng (tính từ ngày 06/9/2014 đến ngày 06/11/2021) = 21.414.000đồng).

Số tiền mà ông T đã vay là tài sản riêng của bà Lê Thị Kim O (O), không phải là tài sản chung của bà O (O) và ông P (chồng của bà), vì vậy ông P không liên quan đến việc bà khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Tại Bản tự khai không ghi ngày tháng năm, ông Lê Văn T trình bày "Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O (O)".

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P trình bày:

Vào ngày 06/9/2014 ông Lê Văn T có đến nhà ông hỏi vay tiền của vợ ông là bà Lê Thị Kim O (O), ông ngồi chơi gần đó nên có biết việc ông T vay của bà O số tiền 15.000.000đồng, hai bên có thỏa thuận về tiền lãi nhưng ông không nghe rõ là bao nhiêu. Ông T viết giấy ghi nhận vay tiền của ông và bà O (HO) là không chính xác vì số tiền 15.000.000đồng mà bà O (O) cho ông T vay là tài sản riêng của bà O (O) chứ không phải của vợ chồng ông, nên ông P không liên quan gì đến số tiền này. Bà O (O) yêu cầu ông T thì ông T phải trả nợ gốc và lãi cho bà O (O).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 21, Khoản 3 Điều 26, 35,39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, các Điều 95,147,227,228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điểm c Khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 2; Điều 4, điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O (tên gọi khác là O), buộc ông Lê Văn T phải trả cho bà O số tiền tổng cộng 36.414.000đồng, trong đó nợ gốc là 15.000.000đồng và nợ lãi là 21.414.000đồng. Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ông Lê Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Lê Văn T nhưng ông Lê Văn T không thực hiện.

Tại phiên tòa ngày 27/6/2022, ông Lê Văn T vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 14/7/2022, ông Lê Văn T vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P.

Về nội dung:

[1] Bà Lê Thị Kim O (O) và ông Trần Thanh P đều thừa nhận số tiền 15.000.000đồng đã cho ông Lê Văn T vay theo "giấy mượn tiền" ngày 06/9/2014 âm lịch là tài sản của riêng bà Lê Thị Kim O, không liên quan đến ông Trần Thanh P, ông Trần Thanh P không có yêu cầu gì về số tiền này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Bà Lê Thị Kim O (O) cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính "giấy mượn tiền" ngày 06/9/2014 âm lịch có tên người vay tiền và người viết giấy vay tiền là Lê Văn T. Bà Lê Thị Kim O và ông Trần Thanh P đều thừa nhận số tiền 15.000.000đồng mà ông T vay là tài sản riêng của bà Lê Thị Kim O. Ông Lê Văn T cũng đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, biết nội dung yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Kim O (O) và ông Lê Văn T đã có bản tự khai trình bày ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O, tuy nhiên ông T chỉ trình bày "Tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim O (O)". Vì lời trình bày của ông T chưa cụ thể nên Tòa án đã triệu tập ông T để làm rõ ý kiến của ông, nhưng ông T không đến. Ông Lê Văn T không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ mà bà O đã cung cấp và ông T cũng không có yêu cầu phản tố.

Như vậy, căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khẳng định chứng cứ mà bà O cung cấp là hợp lệ, có đủ cơ sở khẳng định việc ông Lê Văn T vay tiền của bà Lê Thị Kim O (O) và hiện ông Lê Văn T còn nợ tiền của bà Lê Thị Kim O (O) là có thực tế.

Nay bà Lê Thị Kim O yêu cầu ông Lê Văn T phải trả cho bà Lê Thị Kim O số tiền nợ gốc 15.000.000đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà Lê Thị Kim O trình bày là ông T chưa trả lãi cho bà nên bà yêu cầu ông Lê Văn T phải trả tiền lãi của số tiền đã vay trong thời gian 86 tháng (tính kể từ ngày vay 06/9/2014 âm lịch đến ngày 06/11/2021 âm lịch, tức là ngày 09/12/2021), theo mức lãi suất 1,66%/ tháng là 21.414.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại "Giấy mượn tiền" ngày 06/9/2014 không thể hiện việc bên cho vay và bên vay thỏa thuận về lãi, tại đơn khởi kiện bà O (O) trình bày là bà cho ông T vay có lãi và bà yêu cầu ông T trả tiền lãi, tại Thông báo về việc thụ lý vụ án Tòa án cũng đã thông báo cụ thể số tiền lãi mà bà O yêu cầu ông T phải trả cho ông T biết, nhưng ông T không có văn bản trình bày phản hồi về việc bà O yêu cầu trả tiền lãi, như vậy có đủ cơ sở khẳng định việc ông T vay số tiền 15.000.000đồng của bà O là trường hợp vay có lãi.

Hợp đồng vay tài sản vào ngày 06/11/2021 âm lịch, tức là ngày 09/12/2021 giữa bà Lê Thị Kim O (O) và ông Lê Văn T là hợp đồng được xác lập trước ngày 01/01/2017 và đang được thực hiện nên chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự năm 2005, Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Như vậy, về tiền lãi của số tiền nợ gốc 15.000.000đồng sẽ được tính như sau: - Lãi trên nợ gốc trong hạn vay 10 ngày, từ ngày 06/9/2014 âm lịch, tức là ngày 29/10/2014 đến ngày 08/11/2014 là: 15.000.000đ x 9%/năm x 150% x 10 ngày = 56.250đồng;

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 09/11/2014 đến ngày 31/12/2016 = 783 ngày là: 15.000.000đ x 9%/ năm x 783 ngày = 2.936.250đồng;

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/01/2017 đến ngày 14/7/2022 = 2020 ngày là: 15.000.000đồng x 1,66%/tháng (tức là 19,92%/ năm) x 150% x 2020 ngày = 24.804.493đồng;

Tổng cộng tiền lãi của số nợ gốc 15.000.000đồng là 27.796.993đồng.

Tuy nhiên, bà O (O) chỉ yêu cầu ông T phải trả lãi trên nợ gốc trong hạn vay và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với tổng số tiền 21.414.000đồng, vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu này của bà O (tên gọi khác là O).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.414.000đồng x 5% = 1.820.700 đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474, điều 476 của bộ luật dân sự năm 2005, Khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Kim O (tên gọi khác là O), buộc bị đơn là ông Lê Văn T phải trả cho bà Lê Thị Kim O (O) số tiền nợ gốc theo giấy vay tiền ngày 06/9/2014 âm lịch là 15.000.000đồng và số tiền lãi là 21.414.000đồng, tổng cộng 36.414.000đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.820.700 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi ngàn bảy trăm đồng).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình